

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18 /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 15/9/2020
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hồng Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Huy Bình
2. Bà Trần Thị Ngọc Hân

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thụy Bích Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tấn Vương – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2020, về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/8/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 25/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm: 1985.

Thường trú: Tổ 3, khu phố Phong Thạnh, thị trấn Cần Thạnh, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Đặng Văn Q, sinh năm: 1981.

Thường trú: Tổ 3, khu phố Phong Thạnh, thị trấn Cần Thạnh, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Tổ 26, ấp Lý Thới Bửu, xã Lý Nhơn, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa bà D có mặt và ông Q vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn đề ngày 17/9/2019 và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D trình bày:

- Vào năm 2012 bà và ông Đặng Văn Q tự nguyện sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Cần Thạnh, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 02, quyển số 01/2014, ngày 14/01/2014. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên cãi vã, ông Q thường xuyên đi làm xa nhà, không có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm chăm lo vợ con khiến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, bà khuyên ngăn nhưng ông Q vẫn không thay đổi. Nay bà nhận thấy vợ chồng bà không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không còn khả năng tiếp tục nên bà yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn Q.

- Về con chung: Bà D trình bày giữa bà và ông Q có 02 con chung tên là cháu Đặng Thành Trung (sinh ngày 20/11/2013) và cháu Đặng Hà Ny (sinh ngày 17/11/2018). Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu, **về cấp dưỡng:** theo đơn khởi kiện bà yêu cầu ông Q cấp dưỡng số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho mỗi cháu, tuy nhiên sau đó bà D có lời khai và tại phiên tòa bà không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà D trình bày không có.

* Đối với bị đơn ông Đặng Văn Q đã được Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ tổng đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng ông Q không có ý kiến, đồng thời vắng mặt trong tất cả các lần Tòa án triệu tập không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim D là chính đáng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn có đơn xin ly hôn đối với ông Đặng Văn Q có địa chỉ tạm trú tại Tổ 26, ấp Lý Thới Bửu, xã Lý Nhơn, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh

và quan hệ tranh chấp này là tranh chấp ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự:

Căn cứ vào Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì:

Bà Nguyễn Thị Kim D tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn.

Ông Đặng Văn Q tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo nội D đơn xin ly hôn bà Nguyễn Thị Kim D trình bày bà và ông Đặng Văn Q tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2012. Có đăng ký kết hôn vào ngày 14/01/2014 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Cần Thạnh, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số 01/2014, ngày 14/01/2014. Như vậy hôn nhân giữa bà D và ông Q được pháp luật công nhận.

+ Nguyên nhân kể từ thời gian vợ chồng cưới nhau thì ông Q thường xuyên đi làm ăn xa nhà nhưng ông lại không có trách nhiệm với gia đình, bỏ mặc vợ con không quan tâm, phụ bà D chăm lo cuộc sống gia đình, nuôi dạy các con cho nên khiến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mỗi lần vợ chồng gặp nhau thì xảy ra cãi vã mặc dù bà D đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông Q vẫn không thay đổi. Vì vậy bà yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đặng Văn Q.

Xét thấy: Khi đã là vợ chồng thì cả hai phải cùng có nghĩa vụ chung sống với nhau, thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và chung lo cuộc sống nuôi dạy con cái. Nhưng ông Q không quan tâm đến vợ con, không thể hiện trách nhiệm làm chồng, làm một người đàn ông gánh vác gia đình, chăm lo cho các con. Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập ông Q để làm việc, tham gia hòa giải, xét xử nhưng ông Q vắng mặt không có lý do và không có trình bày ý kiến gì về vụ án, điều đó đã thể hiện thái độ bỏ mặc và không có thiện chí thay biện pháp gì nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng, xây dựng gia đình hạnh phúc, cho nên chứng tỏ rằng mâu thuẫn chung của vợ chồng giữa bà D, ông Q đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những lập luận trên Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà D và ông Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim D là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Về quan hệ con chung: Bà D trình bày giữa bà và ông Q có 02 con chung tên là cháu Đặng Thành Trung (sinh ngày 20/11/2013) và cháu Đặng Hà Ny (sinh ngày 17/11/2018), hiện đang sống với bà D. Qua ghi nhận ý kiến bà D có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của bà D là chính đáng nên Hội đồng xét xử

chấp nhận giao 02 cháu Trung, Ny cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Mặc dù tại thời điểm khởi kiện bà D yêu cầu ông Q cấp dưỡng số tiền 2.000.000đồng/tháng cho mỗi cháu, nhưng sau đó bà có lời khai, tại các lần hòa giải và tại phiên tòa bà D không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con, cho nên Hội đồng xét xử xem xét đình chỉ yêu cầu này và ghi nhận sự tự nguyện của bà D không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà D trình bày không có và không có ai yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim D là người nộp đơn xin ly hôn nên bà phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

[5] Về kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 71, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

- Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D được ly hôn với ông Đặng Văn Q.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Đặng Thành Trung (sinh ngày 20/11/2013) và cháu Đặng Hà Ny (sinh ngày 17/11/2018) cho bà Nguyễn Thị Kim D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu lần lượt trưởng thành đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng: Đình chỉ yêu cầu của bà D đối với ông Q cấp dưỡng nuôi con cho 02 cháu Trung và cháu Ny.

Ông Q có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì quyền lợi của con chung, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức

được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận bà D trình bày không có tài sản chung, nợ chung và không có đương sự nào yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung trong cùng vụ án này.

4. Về án phí

Bà Nguyễn Thị Kim D phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp theo biên lai số AG/2011/06790 ngày 03/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giờ;
- Lưu hồ sơ vụ án, V/p.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Hồng Khanh